

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/DS-PT

Ngày 20-02-2019

V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Sang.

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Đồng;

Bà Võ Thị Hồng Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Bà Nguyễn Thị Thu Sinh, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2018/TLPT-DS ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc: “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 77/2018/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2018, của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2019/QĐ-PT ngày 02 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị N, sinh năm 1968; cư trú tại: Khu phố M, thị trấn T1, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1967; cư trú tại: Khu phố B, thị trấn T1, huyện T, tỉnh Tây Ninh; theo văn bản ủy quyền ngày 29 tháng 5 năm 2018; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1958; cư trú tại: Khu phố M, thị trấn T1, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người kháng cáo: Bà Lê Thị H – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn – bà Lê Thị N và trong quá trình giải quyết vụ án của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị H1 trình bày:

Vào ngày 20-5-2017 âm lịch, bà H có tham gia một phần hụi tháng 3.000.000 đồng do bà N làm chủ thảo hụi, có 16 phần trong dây hụi, hụi sẽ mãn vào ngày 20-7-2018 âm lịch. Bà H là người lãnh hụi đầu tiên với số tiền 28.500.000 đồng và phải góp lại 15 kỳ, mỗi kỳ phải góp 3.000.000 đồng. Sau khi lãnh hụi, bà H không góp

hụi cho bà N được kỳ nào và bà N phải góp hụi thay cho bà H để giao hụi cho các hụi viên khác.

Nay bà N khởi kiện yêu cầu bà H trả cho bà N số tiền hụi còn nợ là 45.000.000 đồng, không yêu cầu bà H phải trả tiền lãi.

Bị đơn bà Lê Thị H trình bày:

Trước đây, bà có vay tiền góp của bà N hai lần, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất, bà vay bà N số tiền 10.000.000 đồng, không nhớ thời điểm vay, thỏa thuận góp mỗi ngày 200.000 đồng trong thời hạn 58 ngày, thành tiền là 11.600.000 đồng.

Lần thứ hai, bà vay số tiền 5.000.000 đồng, không nhớ thời điểm vay, thỏa thuận góp mỗi ngày 100.000 đồng, góp trong vòng 58 ngày, thành tiền là 5.800.000 đồng.

Cả hai lần vay tiền bà N có ghi vào sổ của bà N mà không làm giấy tờ vay. Bà đã góp tiền cho bà N nhiều lần, khi góp không làm giấy tờ, tính đến nay thì bà còn nợ bà N số tiền 27.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 22.600.000 đồng, tiền lãi là 4.400.000 đồng.

Bà thừa nhận vào ngày 20-5-2017 âm lịch bà có ký tên, điểm chỉ vào Giấy biên nhận giao hụi do bà N cung cấp cho Tòa án. Tuy nhiên, việc ký tên, điểm chỉ là do bà bị ép buộc chứ không tự nguyện. Lý do bà ký tên, điểm chỉ vào Giấy biên nhận giao hụi này là vì sau khi tính lại số nợ đối với hai khoản vay trên thì bà còn nợ bà N số tiền 27.000.000 đồng, bà N tính lãi thêm thành 30.000.000 đồng và yêu cầu bà góp mỗi tháng 1.000.000 đồng (trong đó có 950.000 đồng tiền nợ gốc, 50.000 đồng tiền lãi) nhưng bà vẫn chưa trả cho bà N được số tiền nào. Một thời gian sau có hai người thanh niên lạ mặt đến gặp bà và nói là người của bà N yêu cầu bà ký nợ với hai người này, bà đã ký nợ với họ nên bà không còn nợ tiền bà N.

Nay bà không đồng ý trả tiền theo yêu cầu khởi kiện của bà N vì bà không tham gia góp hụi với bà N. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 77/2018/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2018, của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N đối với bà Lê Thị H về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Buộc bà Lê Thị H có nghĩa vụ trả lại cho bà Lê Thị N số tiền hụi còn nợ là 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đồng; ghi nhận bà Lê Thị N không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; quyền kháng cáo; **quyền, nghĩa vụ của các đương sự theo Luật Thi hành án Dân sự.**

Ngày 10 tháng 10 năm 2018, bị đơn là bà Lê Thị H có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại toàn bộ vụ án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bà Lê Thị N khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị H trả cho bà số tiền hụi còn nợ là 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đồng và không yêu cầu tính lãi, vì bà H có tham gia dây hụi 3.000.000 đồng/tháng, khai ngày 20-5-2017 âm lịch, gồm 16 phần do bà N làm chủ thảo. Bà H là người lãnh hụi đầu tiên với số tiền 28.500.000 đồng và phải góp lại 15 kỳ, mỗi kỳ phải góp 3.000.000 đồng, tổng cộng là 45.000.000 đồng nhưng sau khi lãnh hụi, bà H không góp hụi cho bà N được kỳ nào và bà N phải góp hụi thay cho bà H để giao hụi cho các hụi viên khác.

[2] Bà Lê Thị H không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà N vì cho rằng bà không có tham gia góp hụi do bà N làm chủ thảo. Bà chỉ vay tiền của bà N nhưng sau đó đã gán nợ qua hai người khác nên bà không đồng ý trả tiền cho bà N.

[3] Xét Biên nhận giao hụi ngày 20-5-2017 âm lịch thể hiện bà H có nhận số tiền hụi 28.500.000 đồng do bà N làm chủ thảo. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H thừa nhận bà có ký tên, điểm chỉ vào giấy Biên nhận giao hụi này nhưng bà H cho rằng bà không tham gia góp hụi do bà N làm chủ thảo, việc bà ký tên, điểm chỉ vào giấy Biên nhận giao hụi trên là do trước đó bà có vay của bà N số tiền 27.000.000 đồng, bà N tính lãi thêm thành 30.000.000 đồng và yêu cầu bà góp mỗi tháng 1.000.000 đồng nhưng bà chưa trả cho bà N nên bà bị ép buộc ký vào Giấy biên nhận giao hụi này. Tuy nhiên, bà H không đưa ra được chứng cứ chứng minh lời trình bày của bà là có cơ sở. Do đó, lời trình bày của bà H là không có căn cứ.

[4] Mặt khác, căn cứ vào danh sách hụi viên và kết quả xác minh những người cùng tham gia góp hụi trong dây hụi do bà N làm chủ thảo thì có căn cứ xác định việc bà H có tham gia góp hụi và đã lãnh hụi. Bên cạnh đó, những lần khai hụi sau này thì bà N đều đã giao hụi đầy đủ cho những hụi viên khác được lãnh hụi, điều này chứng tỏ bà N đã góp hụi thay cho bà H để giao hụi. Dây hụi này đã kết thúc

vào ngày 20-7-2018 âm lịch nên bà H phải có nghĩa vụ góp hui lại cho bà N 15 kỳ, mỗi kỳ góp 3.000.000 đồng, tổng cộng là 45.000.000 đồng.

[5] Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc bà H trả cho bà N 45.000.000 đồng tiền hui còn nợ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[6] Bà H kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N nhưng bà H không xuất trình được chứng cứ chứng minh yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở.

[7] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H; giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[8] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[9] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bà H không được chấp nhận nên bà phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, bà H là người cao tuổi (từ 60 tuổi trở lên), theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 thì bà H được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự,
- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị H.
- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 77/2018/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2018, của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.

2. Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N đối với bà Lê Thị H về việc tranh chấp hợp đồng góp hui.

- Buộc bà Lê Thị H có nghĩa vụ trả lại cho bà Lê Thị N số tiền hui còn nợ là 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đồng; ghi nhận bà Lê Thị N không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Bà Lê Thị N không phải chịu án phí sơ thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự huyện T hoàn trả cho bà N 1.125.000 (một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số: 0025489 ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh.

- Bà Lê Thị H được miễn án phí sơ thẩm.

4. Về án phí phúc thẩm:

Bà Lê Thị H được miễn án phí phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Trần Thị Kim Sang